TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 859/2019/HNGĐ-ST
Ngày 04-9-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Ngọc Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Tiến
2. Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 345/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 về trAchấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Hùng A- sinh năm 1977; Trú tại : đường L, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Diệu H- sinh năm 1987; Trú tại: đường L, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông A có mặt, bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 4 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn – ông Phạm Hùng Atrình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Diệu H tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 103, quyển số 01/2009 ngày 07/12/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại địa chỉ đường L, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (bên gia đình ông A). Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng với nhau về tiền bạc vì bà H gây nợ nần bên ngoài và bà H có mâu thuẫn với mẹ chồng gay gắt, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau,

hai vợ chồng đã cố gắng nói chuyện nhiều lần để hàn gắn nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ giữa năm 2018, vợ chồng đã sống ly thân, đến tháng 5/2019 bà H dọn ra ngoài sống. Nhận thấy mâu thuẫn không thể giải quyết, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Diệu H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Ngọc M, sinh ngày 13/9/2009. Hiện con chung do bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng nên nếu được ly hôn, ông A đồng ý giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông A cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Trường hợp bà H không nuôi thì giao con lại cho ông nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: ông A khai không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Diệu H vắng mặt dù được triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn trình bày: từ khi ly thân đến nay bà H cũng không liên hệ gì với ông, hai bên không có phương án nào để hàn gắn nên ông vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Ngọc M, sinh ngày 13/9/2009, ông Ađồng ý giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông A cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: ông A khai không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Diệu H vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật trAchấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của Nguyên đơn tại phiên tòa đã đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trAluận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: ông Phạm Hùng A có đơn xin ly hôn bà Nguyễn Thị Diệu H, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn ngụ tại quận Tân Bình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều

35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Phạm Hùng A có mặt.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bị đơn bà Nguyễn Thị Diệu H đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên toà xét xử vụ án nhưng Bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn; Hội đồng xét xử thấy:

[2.1.1] Về hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 103, quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân Phường C, quận B, Tp. HCM ngày 07/12/2009 thì quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Hội đồng xét xử nhận thấy theo ý kiến trình bày của ông A thì giữa hai bên đã có mâu thuẫn tồn tại và đã ly thân từ giữa năm 2018. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều điểm bất đồng dẫn đến tranh cãi, mặt khác bà H cũng mâu thuẫn với mẹ chồng dẫn đến gia đình bất hoà, tuy nhiên bà H không hề có động thái hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Do hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên nền tảng của sự thương yêu, quý trọng, tin tưởng, chăm sóc, giúp đỡ và tôn trọng nhau nhưng giữa ông A và bà H đã không hòa hợp, thiếu sự thương yêu, tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, trong thời gian giải quyết Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt thể hiện Bị đơn không tôn trọng giữ gìn mối quan hệ hôn nhân này, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[2.1.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Ngọc M, sinh ngày 13/9/2009, hiện trẻ M đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, trẻ M có nguyện vọng được ở với mẹ và ông A cũng đồng ý giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao con chung cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.1.3] Về tài sản chung, nợ chung: ông A khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3]Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng do nguyên đơn chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Phạm Hùng A:

- *Về hôn nhân:* Ông Phạm Hùng A được ly hôn với bà Nguyễn Thị Diệu H.

- *Về con chung:* Có 01 con chung tên Phạm Ngọc M, sinh ngày 13/9/2009. Giao trẻ M cho bà Nguyễn Thị Diệu H trực tiếp nuôi dưỡng, ông A cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Thực hiện cấp dưỡng từ tháng 10/2019 cho đến khi trẻ My trưởng thành đủ 18 tuổi.

Ông Phạm Hùng A được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp ông Phạm Hùng A chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi

hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Ai còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về tài sản chung:* Ông A khai không có

- *Về nợ chung:* Ông A khai không có.

2. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm ông Phạm Hùng A phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ông A đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0038194 ngày 04/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông Phạm Hùng A nộp.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND Phường C, quận B, Tp. HCM
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Ngọc Tâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ HỘI THẨM NHÂN DÂN		THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phùng Khánh Đào	**Phan Thị Thúy Ngọc**	**Trương Ngọc Tâm**